

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 6 - 2022

V/v: “Ly hôn giữa chị H
và anh G”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Khanh;

2. Ông Y Pep Êban.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trương Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị H và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 15/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, được một thời gian thì anh, chị mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, từ cuối năm 2019 cho đến nay anh, chị không sống chung với nhau nữa. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bản thân chị H không thể tiếp tục sống với anh G, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị H và anh G có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn

U, sinh ngày 24/7/2015, hiện nay đang ở với Chị, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì Chị có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn G:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng anh G không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại địa phương nơi anh G đang cư trú, được biết anh G đang sinh sống tại địa phương nhưng cố tình lẩn tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh G và hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hiền.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Giao con Nguyễn Văn U cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Viện kiểm sát, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn G là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh G đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử, anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 15/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh G sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì anh, chị mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, từ cuối năm 2019 cho đến nay anh, chị không còn sống chung với nhau nữa. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bản thân chị H không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh G và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh G.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hiền.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, Chị H và anh G có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn U, sinh ngày 24/7/2015, hiện nay đang ở với chị H và chị H có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu U còn nhỏ và từ trước đến nay đều do chị H chăm sóc nuôi dưỡng, anh G thường xuyên vắng mặt ở nhà, chị H có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần giao các con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

1. Quan hệ về hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Quan hệ về con cái: Giao cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con Nguyễn Văn U, sinh ngày 24/7/2015 đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002094 ngày 10/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn

